ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 70/2012/QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 12 tháng 3 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định mức chi kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 14 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/TTLT/BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 06/TTr-KHCN ngày 15 tháng 02 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định mức chi kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 89/2007/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định mức chi kinh phí đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Mức chi kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với: Các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hàng năm; các hoạt động phục vụ công tác quản lý đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh của cơ quan nhà nước.

Các định mức chi, lập dự toán khác của các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Nội dung chi đối với đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh

1. Nội dung chi các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh:

a) Chi công tác tư vấn: Xác định đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; tuyển chọn, xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, bao gồm: Chi công lao động khoa học của các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các hồ sơ đề tài, dự án, thẩm định nội dung và tài chính của đề tài, dự án; chi họp các hội đồng tư vấn; chi phí đi lại, ăn ở của các chuyên gia ở xa được mời tham gia công tác tư vấn;

b) Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu kết quả của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh bao gồm: Chi công đánh giá trước khi nghiệm thu kết quả của các đề tài, dự án; chi công lao động của các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả của các đề tài, dự án; chi các cuộc họp của đoàn kiểm tra, tổ chuyên gia thẩm định, hội đồng đánh giá giữa kỳ (nếu có), hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu; chi phí đi lại, ăn ở của các chuyên gia ở xa được mời tham gia đánh giá giữa kỳ, đánh giá nghiệm thu;

c) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh.

2. Nội dung chi thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh:

a) Chi công lao động tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh bao gồm: Chi công lao động của cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp tham gia thực hiện như: Nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu các quy trình công nghệ, giải pháp KH&CN, thiết kế, chế tạo thử nghiệm; nghiên cứu lý thuyết các luận cứ trong khoa học xã hội và nhân văn; thực hiện, theo dõi thí nghiệm, phân tích mẫu; điều tra

khảo sát, thiết kế phiếu điều tra; xử lý, phân tích số liệu điều tra khảo sát, điều tra xã hội học; viết các phần mềm máy tính; báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; chi hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ; công lao động khác phục vụ triển khai các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh;

b) Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, tạp chí tham khảo, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, tài liệu chuyên môn, các loại xuất bản phẩm, dụng cụ, bảo hộ lao động phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ;

c) Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định gồm: Mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ; khấu hao tài sản cố định (nếu có); Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh;

d) Các khoản chi về: Hội nghị, hội thảo chung của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; văn phòng phẩm, in ấn; dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài; quản lý chung đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh của đơn vị chủ trì (bao gồm trả công lao động gián tiếp phục vụ triển khai đề tài, dự án, trả tiền điện nước, cước phí văn thư, điện thoại văn phòng; tiền sử dụng phương tiện làm việc của cơ quan chủ trì, ...); nghiệm thu cấp cơ sở (bao gồm chi chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của đề tài, dự án trước khi nghiệm thu); đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại (nếu có) đối với sản phẩm; một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh.

Điều 3. Định mức chi thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh

1. Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh:

Đơn vị: 1000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh		
a	Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh để công bố.	Đề tài, dự án	1.500
b	Họp Hội đồng xác định đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh	Buổi họp	
-	Chủ tịch Hội đồng		300
-	Thành viên		200
-	Thư ký hành chính		150
-	Đại biểu được mời tham dự		70
2	Chi tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân		

	chủ trì đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh		
a	Nhận xét đánh giá của thành viên phản biện	Bài viết	
-	Đề tài, dự án có từ 01 đến 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	450
-	Đề tài, dự án có từ 04 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	400
-	Đề tài, dự án có trên 07 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	360
b	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Bài viết	
-	Đề tài, dự án có từ 01 đến 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	300
-	Đề tài, dự án có từ 04 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	270
-	Đề tài, dự án có trên 07 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	250
c	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh	Buổi họp	
-	Chủ tịch Hội đồng		300
-	Thành viên, phản biện		200
-	Thư ký hành chính		150
-	Đại biểu được mời tham dự		70
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh		
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Đề tài, dự án	250
-	Thành viên tham gia thẩm định	Đề tài, dự án	200
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh		
a	Nhận xét đánh giá	Bài viết	
-	Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài, dự án	750
-	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Đề tài, dự án	400
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý. (Số lượng chuyên gia cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án)	Báo cáo	500
c	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài, dự án	
-	Tổ trưởng		250
-	Thành viên		200
-	Đại biểu được mời tham dự		70
d	Họp Hội đồng nghiệm thu chính thức đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh	Đề tài, dự án	
-	Chủ tịch Hội đồng		300
-	Thành viên		200

-	Thư ký hành chính		150
-	Đại biểu được mời tham dự		70

2. Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh:

Đơn vị: 1000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt	Đề tài, dự án	2.000
2	Chuyên đề nghiên cứu, xây dựng quy trình KHCN và khoa học tự nhiên (chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án)	Chuyên đề	
	- Chuyên đề loại 1		6.000
	- Chuyên đề loại 2		18.000
3	Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH và nhân văn	Chuyên đề	
	- Chuyên đề loại 1		6.000
	- Chuyên đề loại 2		8.000
4	Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án		2.000
5	Lập mẫu phiếu điều tra trong nghiên cứu KHCN, KHXH và nhân văn: - Có đến 30 chỉ tiêu - Có trên 30 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	 300 500
6	Cung cấp thông tin: - Có đến 30 chỉ tiêu: + Người cung cấp thông tin + Trả thù lao người đi điều tra - Có trên 30 chỉ tiêu: + Người cung cấp thông tin + Trả thù lao người đi điều tra	Phiếu	 40 30 10 50 30 20
7	Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra	Đề tài, dự án	4.000
8	Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)	Đề tài, dự án	ĐT 10.000 DA 8.000
9	Tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ)		
a	Nhận xét đánh giá	Bài viết	
-	Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài, dự án	300
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đề tài, dự án	200

b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở/nghiệm thu nội bộ (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án)	Báo cáo	400
c	Họp tổ chuyên gia (nếu có)	Buổi họp	
-	Tổ trưởng		200
-	Thành viên		150
-	Đại biểu được mời tham dự		70
d	Họp Hội đồng nghiệm thu	Buổi họp	
-	Chủ tịch Hội đồng		200
-	Thành viên		150
-	Thư ký hành chính		100
-	Đại biểu được mời tham dự		70
10	Hội thảo khoa học	Buổi hội thảo	
	- Người chủ trì		200
	- Thư ký hội thảo		100
	- Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng		400
	- Đại biểu được mời tham dự		70
11	Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án	Tháng	1.000
12	Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định)	Năm	15.000

3. Các định mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa; tùy theo từng đề tài, dự án KH&CN cụ thể, mức chi có thể thấp hơn.

4. Đối với một số nhiệm vụ KH&CN khác (Quy định tại khoản 4 Điều 22 của Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010) do Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành tổ chức thực hiện thì mức chi từ 30% đến 50% định mức chi của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính có văn bản hướng dẫn liên ngành quy định cụ thể.

Điều 4. Xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 và kế hoạch xác định tuyển chọn, xét chọn các đề tài, dự án hàng năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có); đánh giá trước khi

nghiệm thu đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh và định mức chi tại Quy định này để xây dựng dự toán và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học của Sở Khoa học và Công nghệ cùng với thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh

1. Căn cứ:

a) Các nội dung nghiên cứu, khối lượng công việc cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh đã được Hội đồng tuyển chọn hoặc xét duyệt thuyết minh thông qua;

b) Dự toán chi kinh phí của các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh được xây dựng gồm kinh phí khoán và kinh phí không khoán theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 93/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Các định mức để xây dựng dự toán được quy định tại Khoản 2 Điều 3;

d) Các định mức khác được áp dụng theo một số văn bản khác hiện hành. Cụ thể như sau:

- Đối với đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có thực hiện sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí các định mức chi để xây dựng dự toán áp dụng theo Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí.

- Các định mức chi cho việc xây dựng mô hình thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp áp dụng theo Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương.

- Đối với đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có chi thuê khoán người lao động các định mức xây dựng dự toán được áp dụng theo định mức tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

- Đối với đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có chi về công tác phí, hội nghị các định mức xây dựng dự toán áp dụng theo Nghị quyết số 35/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đối với đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh liên quan đến các lĩnh vực đã có định mức chuyên ngành thì căn cứ định mức chuyên ngành để xây dựng dự toán cho phù hợp.

- Đối với đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu:

a) Dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh được xây dựng theo từng nội dung trong thuyết minh đã được duyệt, gắn với các sản phẩm cụ thể của đề tài, dự án;

b) Cá nhân được giao chủ trì đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng dự toán để thẩm định.

Điều 6. Thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và một số ngành liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh theo đúng quy định.

2. Đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có dự toán kinh phí từ 300 triệu đồng trở lên (đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) và 500 triệu đồng trở lên (đối với đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ) hoặc đề tài, dự án phức tạp căn cứ lập dự toán chưa rõ; đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh khác mà Chủ tịch UBND tỉnh thấy cần thiết phải có tổ chức thẩm định dự toán kinh phí thì:

a) Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh (bao gồm các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực KH&CN của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, các chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính, các nhà doanh nghiệp có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực có liên quan đến đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh cần thẩm định) giao Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất;

b) Tổ thẩm định căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn (hoặc Hội đồng xét duyệt thuyết minh) đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh để tư vấn cho Chủ tịch UBND tỉnh về tổng kinh phí cần thiết để triển khai đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh phù hợp với các nội dung được duyệt, số kinh phí cần thiết hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tính khả thi về thị trường, hiệu quả dự kiến đối với sản phẩm tạo ra của đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh.

Điều 7. Giao dự toán và quyết toán kinh phí đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh

1. Giao dự toán:

a) Dự toán chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với các đề tài, dự án: Giao cho các đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động này;

b) Dự toán kinh phí chi thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh: Giao cho các cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

2. Quyết toán kinh phí:

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3. Kinh phí của đề tài, dự án phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, không chi cho các hoạt động thường xuyên của cơ quan chủ trì đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh phản ánh về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hạnh